

Số: 218 /TB-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 9 năm 2023

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2023

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định 2521/QĐ-ĐHHĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc sửa đổi một số điều trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức được ban hành kèm theo Quyết định số 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021;

Trường Đại học Hồng Đức thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2023 như sau:

#### 1. Chuyên ngành xét tuyển nghiên cứu sinh

| TT | Chuyên ngành                       | Mã số   | Chỉ tiêu |
|----|------------------------------------|---------|----------|
| 1  | Văn học Việt Nam                   | 9220121 | 2        |
| 2  | Lý luận và PPDHBM Văn - Tiếng Việt | 9140111 | 2        |
| 3  | Lịch sử Việt Nam                   | 9229013 | 2        |
| 4  | Quản trị kinh doanh                | 9340101 | 5        |

#### 2. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm (48 tháng), Nghiên cứu sinh dự tuyển từ bậc thạc sĩ có thể đăng ký thời gian đào tạo 03 năm (36 tháng).

#### 3. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

##### 3. 1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ (người có bằng tốt nghiệp đại học chương trình đào tạo có khối lượng học tập tối thiểu 150 tín chỉ, đáp ứng chuẩn đầu ra tương đương bậc 7 được công nhận có trình độ tương đương Bậc 7);

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

3.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục I của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

3.3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc là người đã qua đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ bằng tiếng Việt và được các trường Đại học Việt Nam cấp bằng tốt nghiệp.

#### **4. Hồ sơ xét tuyển nghiên cứu sinh**

Hồ sơ xét tuyển bao gồm:

4.1. Đơn xin dự tuyển (*Mẫu 1 phụ lục IV*);

4.2. Lý lịch khoa học có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (*Mẫu 2 phụ lục IV*);

4.3. Bản sao bằng tốt nghiệp và bằng điểm (đại học, thạc sĩ), bản sao bằng và bằng điểm tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài hoặc chứng chỉ ngoại ngữ có chứng thực công chứng; kèm theo bản chính để đối chiếu (đối chiếu xong trả lại bản chính); các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có). Nếu bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải có giấy chứng nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận tương đương;

4.4. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (đóng thành tập, ghi tên và kê khai danh mục ở trang bìa), cụ thể:

+ Đối với bài báo: Bản sao trang bìa tạp chí, trang có hội đồng biên tập tạp chí, mục lục tạp chí và nội dung bài báo của người dự tuyển.

+ Đối với đề tài nghiên cứu khoa học: Bản sao Quyết định/Hợp đồng giao việc, Quyết định công nhận kết quả đề tài và Bản tóm tắt nội dung chuyên đề nghiên cứu (đối với người tham gia và có xác nhận của chủ nhiệm đề tài).

+ Đối với luận văn: Bản sao luận văn đã bảo vệ thành công.

4.5. Đề cương nghiên cứu (*Mẫu 3 phụ lục IV*). Lưu ý: Đề cương nghiên cứu phải có đầy đủ chữ ký của người dự tuyển và người hướng dẫn. Người hướng dẫn phải đảm bảo tiêu chuẩn theo điều 4, điều 5 của quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường

Đại học Hồng Đức đã được ban hành theo quyết định 2499/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/12/2021 của Hiệu trưởng. Khi nộp hồ sơ thí sinh nộp kèm lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn);

4.6. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu đối với người dự tuyển của 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (*Mẫu 4 phụ lục IV*);

4.7. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

4.8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Nhà trường (*Mẫu 5 phụ lục IV*);

4.9. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa cấp Huyện và tương đương trở lên;

4.10. 02 ảnh 3x4 và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, điện thoại liên hệ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ (*Riêng đề cương nghiên cứu, bài báo minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thư giới thiệu: thí sinh nộp 06 bộ*)

Trường Đại học Hồng Đức không hoàn trả lại hồ sơ sau khi thí sinh đã nộp.

### 5. Lệ phí xét tuyển và học phí

- **Lệ phí xét tuyển:** Thu theo nguyên tắc lấy thu bù chi.

- **Học phí:** Theo quy định của Nhà trường.

### 6. Thời gian, địa điểm thu hồ sơ

- **Thời gian thu hồ sơ:** từ ngày ra thông báo đến hết ngày 10 tháng 10 năm 2023.

- **Địa điểm phát hành và thu hồ sơ:** Phòng 606, 607 Nhà điều hành, Trường Đại học Hồng Đức (Số 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ - thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

7. **Thời gian bảo vệ đề cương:** Dự kiến ngày 25 tháng 11 năm 2023.

**Chi tiết xin liên hệ:** Phòng QLĐT Sau đại học - Trường Đại học Hồng Đức (565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ - thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Điện thoại: 0904.621.503; 0982.723.585;

Website: [www.hdu.edu.vn/](http://www.hdu.edu.vn/).

### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các PHT (để chỉ đạo);
- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, các phòng GD; } (để phối hợp)
- Các CQ, DN, trường PT, MN;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.QLĐT SDH.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PGS.TS. Bùi Văn Dũng**



**PHỤ LỤC I**  
**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG**  
**CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

(Kèm theo thông báo số 218/TB-ĐHHD ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

| Stt | Ngôn ngữ                              | Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận                                                                               | Trình độ/Thang điểm                                                       |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tiếng Anh                             | TOEFL iBT                                                                                               | Từ 46 trở lên                                                             |
|     |                                       | IELTS                                                                                                   | Từ 5.5 trở lên                                                            |
|     |                                       | Cambridge Assessment English                                                                            | B2 First/B2 Business<br>Vantage/Linguaskill<br>Thang điểm: từ 160 trở lên |
| 2   | Tiếng Pháp                            | CIEP/Alliance<br>française diplomas                                                                     | TCF từ 400 trở lên<br>DELF B2 trở lên<br>Diplôme de Langue                |
| 3   | Tiếng Đức                             | Goethe -Institut                                                                                        | Goethe- Zertifikat B2 trở lên                                             |
|     |                                       | The German TestDaF language<br>certificate                                                              | TestDaF level 4 (TDN 4) trở<br>lên                                        |
| 4   | Tiếng Trung Quốc                      | Chinese Hanyu Shuiping<br>Kaoshi (HSK)                                                                  | HSK level 4 trở lên                                                       |
| 5   | Tiếng Nhật                            | Japanese Language Proficiency<br>Test (JLPT)                                                            | N3 trở lên                                                                |
| 6   | Tiếng Nga                             | ТРКИ - Тест по русскому<br>языку как иностранному<br>(TORFL - Test of Russian as a<br>Foreign Language) | ТРКИ-2 trở lên                                                            |
| 7   | Các ngôn ngữ tiếng<br>nước ngoài khác | Chứng chỉ đánh giá theo<br>Khung năng lực ngoại ngữ 6<br>bậc dùng cho Việt Nam                          | Từ bậc 4 trở lên                                                          |

A



**PHỤ LỤC II**

**Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức**  
(Kèm theo thông báo số 218/TB-ĐHHD ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

| STT | Chuyên ngành tiến sĩ                    | Ngành Đại học, thạc sĩ phù hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Môn học BSKT                                                                                                  |
|-----|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Văn học Việt Nam                        | Nhóm ngành 1: Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Không học bổ sung kiến thức.                                                                                  |
|     |                                         | Nhóm ngành 2: Tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Hán nôm, Văn hóa, Lí luận và PPDHBM Văn tiếng Việt, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học, Báo chí, Hán Nôm, Văn Hoá học, Việt Nam học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Châu Á học, Nhân học, Dân tộc học và các chuyên ngành phù hợp khác theo quy định. | Học bổ sung kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo.                                               |
|     |                                         | Nhóm ngành 3: Tốt nghiệp đại học hạng giỏi các ngành Ngữ văn, Văn học, Sư phạm Ngữ văn.                                                                                                                                                                                                                                                                       | Học bổ sung kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ các học phần bậc thạc sĩ được quy định trong chương trình đào tạo. |
| 2   | Lý luận và PPDH Bộ môn Văn – tiếng Việt | Nhóm ngành 1: Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn- Tiếng Việt.                                                                                                                                                                                                                                                          | Không học bổ sung kiến thức.                                                                                  |
|     |                                         | Nhóm ngành 2: Tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Ngôn ngữ Việt Nam.                                                                                                                                                                                                                 | Học bổ sung kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo.                                               |
|     |                                         | Nhóm ngành 3: Tốt nghiệp đại học chính quy hạng giỏi các ngành: Ngữ văn, Văn học, Đại học sư phạm Ngữ văn, ĐHSP Văn- Sử.                                                                                                                                                                                                                                      | Học bổ sung kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ các học phần bậc thạc sĩ được quy định trong chương trình đào tạo. |

|   |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                               |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | Lịch sử Việt Nam    | Nhóm ngành 1: Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.                                                                                                                                                                                                              | Không học bổ sung kiến thức.                                                                                  |
|   |                     | Nhóm ngành 2: Tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử, Việt Nam học, Chính trị học, Giáo dục chính trị, Văn Hoá học, Quản lý văn hoá, quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học. | Học bổ sung kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo.                                               |
|   |                     | Nhóm ngành 3: Tốt nghiệp hạng giỏi các ngành Sư phạm Lịch sử, Lịch sử, Lịch sử- Quản lý Di tích, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng.                                                                                                                                     | Học bổ sung kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ các học phần bậc thạc sĩ được quy định trong chương trình đào tạo. |
| 5 | Quản trị kinh doanh | Nhóm ngành 01: Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh không quá 10 năm                                                                                                                                                                                          | Không học bổ sung kiến thức                                                                                   |
|   |                     | Nhóm ngành 02:<br>- Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh quá 10 năm<br>- Tốt nghiệp thạc sĩ thuộc các nhóm ngành: Kinh tế; Kinh doanh & quản lý.                                                                                                              | Học bổ sung kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo.                                               |
|   |                     | Nhóm ngành 03: Tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành Quản trị kinh doanh.                                                                                                                                                                                               | Học bổ sung kiến thức 29 tín chỉ các học phần bậc thạc sĩ được quy định trong chương trình đào tạo.           |

A

### PHỤ LỤC III

#### Danh mục hướng nghiên cứu

(Kèm theo thông báo số 218 /TB-ĐHHĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

#### 1. CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

| STT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu                                      | Số lượng NCS<br>có thể tiếp nhận |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Nghiên cứu văn học Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa.                         | 1                                |
| 2   | Nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam.                                     | 1                                |
| 3   | Văn học Hán Nôm Thanh Hóa.                                                 | 1                                |
| 4   | Văn xuôi Việt Nam đầu thế kỷ XX.                                           | 1                                |
| 5   | Nghiên cứu thành tựu văn học các địa phương.                               | 1                                |
| 6   | Tiểu thuyết Việt Nam sau 1975.                                             | 1                                |
| 7   | Truyện ngắn Việt Nam sau 1975.                                             | 1                                |
| 8   | Thơ Việt Nam hiện đại.                                                     | 1                                |
| 9   | Văn học hiện đại các dân tộc thiểu số Việt Nam.                            | 1                                |
| 10  | Tiếp nhận văn học Việt Nam từ sau 1975.                                    | 1                                |
| 11  | Nghiên cứu thành tựu văn học Việt Nam sau ba mươi năm đổi mới (1986-2016). | 1                                |

#### 2. CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

| STT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu                                        | Số lượng NCS<br>có thể tiếp nhận |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Quá trình hình thành và phát triển của các làng Việt cổ truyền.              | 5                                |
| 2   | Lịch sử văn hóa làng xã Việt Nam.                                            | 3                                |
| 3   | Không gian lịch sử- văn hóa làng xã Việt Nam.                                | 5                                |
| 4   | Quá trình hình thành và phát triển các đô thị Việt Nam.                      | 4                                |
| 5   | Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam.                          | 4                                |
| 6   | Lịch sử tôn giáo Việt Nam.                                                   | 3                                |
| 7   | Lịch sử tư tưởng Việt Nam.                                                   | 3                                |
| 8   | Sự hình thành và phát triển các dân tộc Việt Nam.                            | 3                                |
| 9   | Lịch sử giáo dục và khoa cử Việt Nam.                                        | 4                                |
| 10  | Các trung tâm kinh tế Việt Nam trong lịch sử.                                | 4                                |
| 11  | Lịch sử của các di tích lịch sử- văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam.               | 5                                |
| 12  | Quá trình hình thành và phát triển các không gian lịch sử- văn hóa Việt Nam. | 3                                |
| 13  | Nông thôn Việt Nam trong lịch sử.                                            | 3                                |
| 14  | Tình hình ruộng đất và kinh tế nông nghiệp trong lịch sử Việt Nam.           | 3                                |
| 15  | Các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam.                          | 3                                |



Handwritten signature or mark.

|    |                                                                    |   |
|----|--------------------------------------------------------------------|---|
| 16 | Khởi nghĩa nông dân trong thời kỳ cổ- trung đại Việt Nam.          | 3 |
| 17 | Vị trí, vai trò của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc.    | 5 |
| 18 | Lịch sử các dòng họ tiêu biểu ở Việt Nam.                          | 5 |
| 19 | Các nhân vật lịch sử và danh nhân văn hóa tiêu biểu của Việt Nam.  | 5 |
| 20 | Việt Nam trong mối quan hệ với các nước trong khu vực và thế giới. | 3 |
| 21 | Cách mạng tháng Tám 1945 ở các địa phương trong cả nước.           | 5 |

### 3. CHUYÊN NGÀNH LL VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN VĂN-TIẾNG VIỆT

| TT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu                                                                                                | Số lượng NCS có thể tiếp nhận |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1  | Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam.                                                             | 5                             |
| 2  | Vận dụng các lí thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại vào việc đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông.     | 5                             |
| 3  | Vận dụng các thành tựu của Tâm lí học, Giáo dục học hiện đại vào việc đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường Việt Nam. | 5                             |
| 4  | Vận dụng các lí thuyết học tập hiện đại vào đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.     | 5                             |
| 5  | Phát triển năng lực dạy học môn Ngữ văn ở THPT và THCS.                                                                              | 5                             |
| 6  | Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm, kỹ năng sống cho HS qua dạy học Ngữ văn.                                                    | 3                             |
| 7  | Xây dựng câu hỏi, bài tập trong dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.                                                          | 5                             |
| 8  | Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa trong môn Ngữ văn ở THPT và THCS.                                                               | 3                             |
| 9  | Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Ngữ văn ở THPT và THCS.                                                                         | 5                             |
| 10 | Phát triển năng lực kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông.                                            | 5                             |
| 11 | Tích hợp giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THPT trong môn Ngữ văn.                                                                  | 3                             |

### 4. CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

| STT | Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu                     | Số lượng NCS có thể tiếp nhận |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp                    | 4                             |
| 2   | Năng lực lãnh đạo, quản lý, quản trị                      | 4                             |
| 3   | Quản trị tổ chức, doanh nghiệp, sản giao dịch             | 4                             |
| 4   | Hành vi tổ chức, hành vi người tiêu dùng                  | 3                             |
| 5   | Quản trị nguồn nhân lực; nguồn nhân lực                   | 3                             |
| 6   | Quản trị Chiến lược (du lịch, nông nghiệp, dịch vụ, doanh | 4                             |

|    |                                                                                  |   |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|---|
|    | ngành, ngành hàng...)                                                            |   |
| 7  | Thu hút đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp                              | 4 |
| 8  | Chuyển đổi số, Kinh tế số, kinh tế ban đêm, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo. | 4 |
| 9  | Quản trị chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, Quản trị tác nghiệp                      | 3 |
| 10 | Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng (đến quản trị tổ chức, doanh nghiệp, hành vi...)    | 3 |
| 11 | Marketing sản phẩm, dịch vụ, điểm đến, lãnh thổ.                                 | 3 |
| 12 | Môi trường kinh doanh, văn hoá doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội                | 3 |
| 13 | Chất lượng dịch vụ và Sự hài lòng của khách hàng                                 | 3 |
| 14 | Năng lực cạnh tranh của Doanh nghiệp nhỏ và vừa                                  | 2 |
| 15 | Giải pháp phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa                                     | 2 |





## PHỤ LỤC IV

**Các biểu mẫu trong hồ sơ dự tuyển**

(Ban hành kèm theo thông báo số 218/TB-ĐHĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

**MẪU 1**

UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐƠN XIN DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM .....**

*Kính gửi: Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh Trường Đại học Hồng Đức*

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Quê quán: .....

Tốt nghiệp đại học năm: ..... Ngành: .....

Tại trường: .....

Hệ: Chính quy ☐, Liên thông ☐,

Xếp loại: Khá ☐, Giỏi ☐, Xuất sắc ☐

Bằng đại học thứ 2 (nếu có): .....

Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành: ..... Điểm trung bình: .....

Năm TN: ..... Trường cấp bằng: .....

Hiện đang làm việc tại: .....

Thuộc đối tượng xét tuyển: Cán bộ, Công chức ☐ Đơn vị kinh doanh ☐

Thí sinh tự do ☐ Công tác tại miền núi ☐

Thương binh ☐ Dân tộc ít người ☐

Đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh

Chuyên ngành: ..... Mã số: .....

Hình thức đào tạo: Tập trung

Lĩnh vực nghiên cứu đăng ký: .....

.....

Tên người hướng dẫn đăng ký:

- Người HD chính: ..... Nơi công tác: .....

- Người HD phụ: ..... Nơi công tác: .....

Ngoại ngữ dự tuyển: Tiếng Anh ☐,

**Tôi xin thực hiện đúng các quy định đối với thí sinh và nếu trúng tuyển sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ.**

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Chữ ký thí sinh

## MẪU 2

## LÝ LỊCH KHOA HỌC

|                                                                                                                             |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------|------|
| <b>1. Họ và tên:</b>                                                                                                        |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| <b>2. Ngày sinh:</b>                                                                                                        |                                            | <b>3. Nơi sinh</b>                               |                                       | <b>4. Nam/Nữ:</b> |      |
| <b>5. Địa chỉ nhà riêng:</b>                                                                                                |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Điện thoại NR:                                                                                                              |                                            | ; CQ:                                            |                                       | ; Mobile:         |      |
| E-mail:                                                                                                                     |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| <b>6. Chức vụ hiện nay:</b>                                                                                                 |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| <b>7. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân:</b>                                                                               |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Tên cơ quan :                                                                                                               |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Địa chỉ cơ quan :                                                                                                           |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Điện thoại :                                                                                                                |                                            | ; Fax:                                           |                                       | ; Website:        |      |
| <b>8. Quá trình đào tạo</b>                                                                                                 |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Bậc đào tạo                                                                                                                 | Nơi đào tạo                                | Chuyên ngành                                     | Năm TN                                |                   |      |
| Đại học                                                                                                                     |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Thạc sỹ                                                                                                                     |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Tiến sỹ                                                                                                                     |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Thực tập sinh<br>khoa học                                                                                                   |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| <b>9. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)</b>                                                    |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| TT                                                                                                                          | Tên ngoại ngữ                              | Nghe                                             | Nói                                   | Đọc               | Viết |
| 1                                                                                                                           |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| 2                                                                                                                           |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| <b>10. Quá trình công tác</b>                                                                                               |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| Thời gian<br>(từ năm ... đến năm...)                                                                                        | Vị trí công tác                            | Lĩnh vực chuyên môn                              | Cơ quan công tác                      |                   |      |
|                                                                                                                             |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
|                                                                                                                             |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
|                                                                                                                             |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| <b>11. Các công trình KH&amp;CN chủ yếu được công bố<br/>(liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 5 năm gần nhất)</b> |                                            |                                                  |                                       |                   |      |
| TT                                                                                                                          | Tên công trình<br>(bài báo, công trình...) | Là tác giả hoặc<br>là đồng tác giả<br>công trình | Nơi công bố<br>(tên tạp chí đã đăng ) | Năm<br>công<br>bố |      |
| 1                                                                                                                           | Tạp chí quốc tế                            |                                                  |                                       |                   |      |

A

|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------|
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
| 2                                                                                             | Tạp chí quốc gia                  |                                    |                             |                                                      |
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
| 3                                                                                             | Hội nghị quốc tế                  |                                    |                             |                                                      |
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
| <b>12. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (nếu có)</b>                       |                                   |                                    |                             |                                                      |
| TT                                                                                            | Tên và nội dung văn bằng          |                                    | Năm cấp văn bằng            |                                                      |
| 1                                                                                             |                                   |                                    |                             |                                                      |
| 2                                                                                             |                                   |                                    |                             |                                                      |
| <b>13. Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)</b>      |                                   |                                    |                             |                                                      |
| TT                                                                                            | Tên công trình                    | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | Thời gian                   |                                                      |
| 1                                                                                             |                                   |                                    |                             |                                                      |
| 2                                                                                             |                                   |                                    |                             |                                                      |
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
| <b>14. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&amp;CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây</b> |                                   |                                    |                             |                                                      |
| Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì                                                  |                                   | Thời gian (bắt đầu - kết thúc)     | Thuộc Chương trình (nếu có) | Tình trạng (đã nghiệm thu-xếp loại, chưa nghiệm thu) |
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |
| <b>15. Giải thưởng (về KH&amp;CN, về chất lượng sản phẩm,...)</b>                             |                                   |                                    |                             |                                                      |
| TT                                                                                            | Hình thức và nội dung giải thưởng |                                    | Năm tặng thưởng             |                                                      |
| 1                                                                                             |                                   |                                    |                             |                                                      |
| 2                                                                                             |                                   |                                    |                             |                                                      |
|                                                                                               |                                   |                                    |                             |                                                      |

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

Xác nhận của cơ quan công tác

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...

Người khai

**MẪU 3. KẾT CẤU ĐỀ CƯƠNG***Mẫu trang bìa ngoài***UBND TỈNH THANH HÓA****BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC****ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU  
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM ...****Tên đề tài nghiên cứu:****Tên người dự tuyển:****Cơ quan công tác:****Thanh Hóa, năm**

Mẫu trang phụ bì

UBND TỈNH THANH HÓA

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

**ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU  
DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 20...**

Tên đề tài:

“.....”

Chuyên ngành đào tạo:

Mã số:

Tên người dự tuyển: .....

Cơ quan công tác:.....

Người hướng dẫn khoa học:

1.....

2.....

Thanh Hóa, năm

*h*

### 1. Đặt vấn đề:

Nêu lý do chọn đề tài, tính cấp thiết, tính mới của vấn đề nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

### 2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu:

Tác giả cần tổng hợp các nghiên cứu đã thực hiện trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của người dự tuyển, qua đó cần phân tích bình luận về kết quả và những hạn chế/khoảng trống của các nghiên cứu đó để làm nổi bật tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài dự tuyển. Trong đó người dự tuyển cần nêu rõ những quan điểm và phương pháp giải quyết riêng của mình

### 3. Đối tượng, mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: là đối tượng mà đề tài dự kiến nghiên cứu, trong đó cần nêu rõ phạm vi và giới hạn của đề tài, của đối tượng nghiên cứu.

- Mục tiêu của đề tài dựa trên tên của đề tài dự kiến, những kết quả nghiên cứu đi trước đã đạt được để đề ra mục tiêu nghiên cứu giải quyết vấn đề.

- Nội dung nghiên cứu: nội dung phải dựa trên mục tiêu nghiên cứu, toàn bộ nội dung nghiên cứu của đề tài là giải quyết các mục tiêu đề ra.

- Phương pháp nghiên cứu: Tác giả cần nêu rõ từng phương pháp mà đề tài sẽ áp dụng để thực hiện được các nội dung nghiên cứu nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra của đề tài. Các phương pháp nghiên cứu trình bày theo từng nội dung nghiên cứu.

### 4. Những nghiên cứu/công việc liên quan đã thực hiện của người dự tuyển:

Nêu các nghiên cứu (đề tài, nhiệm vụ, vv) của người dự tuyển đã thực hiện có liên quan đến đề tài luận án dự kiến thực hiện; kinh nghiệm của người dự tuyển và tính khả thi của đề tài luận án.

### 5. Cấu trúc nội dung của đề án (liệt kê các chương, mục, tiểu mục).

### 6. Tiến độ thực hiện đề tài

Kế hoạch cần trình bày chi tiết, cụ thể theo các nội dung, hoạt động nhằm đảm bảo mục tiêu thực hiện khóa học và luận án của người dự tuyển.

| TT | Nội dung/hoạt động | Sản phẩm phải đạt | Tiến độ thực hiện theo năm và quý |    |     |    |       |    |     |    |       |    |     |    |       |    |     |    |
|----|--------------------|-------------------|-----------------------------------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|-------|----|-----|----|
|    |                    |                   | Năm 1                             |    |     |    | Năm 2 |    |     |    | Năm 3 |    |     |    | Năm 4 |    |     |    |
|    |                    |                   | I                                 | II | III | IV | I     | II | III | IV | I     | II | III | IV | I     | II | III | IV |
| 1  |                    |                   |                                   |    |     |    |       |    |     |    |       |    |     |    |       |    |     |    |
| 2  |                    |                   |                                   |    |     |    |       |    |     |    |       |    |     |    |       |    |     |    |
| 3  |                    |                   |                                   |    |     |    |       |    |     |    |       |    |     |    |       |    |     |    |

### 7. Dự kiến kết quả đạt được

Nêu các kết quả dự kiến đạt được, các đóng góp mới về khoa học và thực tiễn.

### 8. Danh mục tài liệu tham khảo mà người dự tuyển đã cập nhật làm cơ sở đề xuất đề tài tiến sĩ

Danh mục tài liệu tham khảo trình bày theo quy định. Trình bày tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước (xếp tên tác giả theo alphabet) và tài liệu tiếng Anh sau (xếp tên tác giả theo alphabet).

### 9. Người hướng dẫn dự kiến:

- Người hướng dẫn 1:
  - + Họ và tên:
  - + Học hàm, học vị:
  - + Cơ quan công tác:
  - + Điện thoại:

- Người hướng dẫn 2:
  - + Họ và tên:
  - + Học hàm, học vị:
  - + Cơ quan công tác:
  - + Điện thoại:

....., ngày      tháng      năm 20....

Người dự tuyển  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người hướng dẫn 1  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người hướng dẫn 2  
(Ký, ghi rõ họ và tên)



MẪU 4

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**THƯ GIỚI THIỆU**  
 Thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh

Kính gửi: - Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ Trường Đại học Hồng Đức.

Tên tôi là:

Học hàm, học vị:.....Năm công nhận:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tôi đã có thời gian công tác, hoạt động chuyên môn với  
 ông/bà:.....trong khoảng thời gian  
 từ.....

là người dự tuyển nghiên cứu sinh khoá ..... của trường Đại học Hồng Đức. Tôi có  
 những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

- 1) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp:.....
- 2) Năng lực hoạt động chuyên môn:.....
- 3) Phương pháp làm việc: .....
- 4) Khả năng nghiên cứu: .....
- 5) Khả năng làm việc theo nhóm:.....
- 6) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:.....
- 7) Triển vọng phát triển về chuyên môn:.....
- 8) Trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn  
 phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án:.....
- 9) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh:.....

Tôi xin cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người  
 dự tuyển nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệu  
 .....với trường Đại học Hồng Đức để đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh khoá .....  
 Xin chân thành cảm ơn!

Ngày      tháng      năm

Người giới thiệu

(Học hàm, học vị, họ và tên)



MẪU 5

## CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày ... tháng ... năm ...

## BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

*Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ Trường Đại học Hồng Đức*

Họ và tên: ..... Giới tính: .....

Ngày sinh: ..... Nơi sinh: .....

Quê quán: .....

Tốt nghiệp đại học năm: ..... Ngành: .....

Tại trường: .....

Hệ: Chính quy ☐, Liên thông ☐,Xếp loại: Khá ☐, Giỏi ☐, Xuất sắc ☐

Hiện đang làm việc tại: .....

Thuộc đối tượng xét tuyển: Cán bộ, Công chức ☐Đơn vị kinh doanh ☐Thí sinh tự do ☐Công tác tại miền núi ☐Thương binh ☐Dân tộc ít người ☐

Đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh

Chuyên ngành: ..... Mã số: .....

Hình thức đào tạo: Chính quy

*Tôi xin cam đoan thực hiện đúng các quy định đối với thí sinh và nếu trúng tuyển sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về nghĩa vụ tài chính trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Nhà trường và Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Chữ ký thí sinh

